

Số: 452 /BC-UBND

Phú Quốc, ngày 17 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 và chương trình trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang

Thực hiện kế hoạch công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2024 của UBND thành phố. UBND thành phố báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2024 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Đánh giá các hoạt động chỉ đạo, điều hành công tác CCHC: UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 15/01/2024 về công tác CCHC năm 2024 đây là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện. Đồng thời, để kịp thời khen thưởng biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC trong năm, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 20/02/2024 về việc phát động phong trào thi đua CCHC năm 2014 trên địa bàn thành phố Phú Quốc để các tổ chức, cá nhân phấn đấu. Đồng thời, UBND thành phố đã ban hành 06 văn bản có liên quan để chỉ đạo điều hành công tác CCHC. Ban Chỉ đạo CCHC tổ chức cuộc họp định kỳ quý I/2024 theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm: số nhiệm vụ đã thực hiện được 27/35 tổng số nhiệm vụ, đạt 77% so với kế hoạch.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC: UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 20/02/2024 về việc kiểm tra công tác CCHC năm 2024 tại 08/21 đơn vị đạt tỷ lệ 38%. Đã tổ chức kiểm tra hiện nay đang hoàn tất hồ sơ.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC: UBND thành phố đã xây dựng Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 28/02/2024 về việc thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC năm 2024. Kết quả: xây dựng 06 chuyên mục CCHC, 07 bài phản ánh, phóng sự; 06 tài liệu với 53 lượt phát trên sóng phát thanh, truyền hình; đăng 04 bài trên Cổng Thông tin điện tử thành phố; tuyên truyền bằng khẩu hiệu trên bảng điện tử được 414 lần.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao: tổng số nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao là 44 nhiệm vụ (kỳ trước chuyển sang 27 nhiệm vụ, 17 nhiệm vụ mới); số nhiệm vụ đã giải quyết 13 nhiệm vụ (trong đó, 03 nhiệm

vụ đúng hạn, 10 nhiệm vụ trễ hạn); số nhiệm vụ đang giải quyết là 31 nhiệm vụ (trong hạn 20 nhiệm vụ, quá hạn 11 nhiệm vụ).

6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương: trong kỳ báo cáo chưa có sáng kiến, giải pháp có liên quan trong CCHC.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): trong kỳ báo cáo, HĐND, UBND thành phố không xây dựng và ban hành VBQPPL.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật: UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 29/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn thành phố Phú Quốc; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 23/02/2024 về công tác Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn thành phố Phú Quốc; Kết luận số 249/KL-UBND ngày 18/03/2024 về công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn thành phố; Công văn số 216/UBND-TP ngày 06/02/2024 về góp ý dự thảo Công văn triển khai Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND và Chủ tịch UBND thành phố ban hành các văn bản sau: Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Báo cáo số 60/BC-UBND ngày 06/02/2024 về kết quả đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 01/3/2024 về công tác tuyên truyền PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024; Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 29/5/2024 về thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” năm 2024 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 389/KH-UBND ngày 29/5/2024 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2024 trên địa bàn thành phố Phú Quốc; Kế hoạch số 397/KH-UBND ngày 31/5/2024 của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) thành phố; Kế hoạch số 362/KH-UBND ngày 21/5/2024 phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua “chung sức xây dựng nông thôn mới” năm 2024; Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 06/3/2024 sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 267/UBND-TP ngày 23/02/2024 về việc triển khai các đạo luật mới được Quốc hội khóa XV thông qua; Công văn số 955/UBND-TP ngày 21/5/2024 về thực hiện Công văn số 503/UBND-NCPC ngày 19/3/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tuyên truyền tờ rơi phổ biến Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Công văn số 1069/UBND-TP về thực hiện Công văn số 1626/STP-PBGDPL ngày 28/5/2024

của Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang về việc báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 949/UBND-TP ngày 20/5/2024 về thực hiện Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 30/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “phát huy vai trò của Hội Luật gia các cấp trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2024 - 2030”; Công văn số 42/PTP-PBGDPL ngày 04/6/2024 về việc rà soát, báo cáo mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ sở. Phối hợp tổ chức Hội nghị trực tuyến tuyên truyền phổ biến các Luật, Pháp lệnh năm 2023 được 01 cuộc với 50 lượt người tham dự.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 911/KH-UBND ngày 29/12/2023 về kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố năm 2024; Báo cáo số 914/BC-UBND ngày 29/02/2023 về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2023; Báo cáo số 157/BC-UBND ngày 15/3/2024 về kết quả thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023; Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 23/01/2024 về công tác rà soát và tự kiểm tra văn bản sau rà soát theo chuyên đề 2; Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 23/01/2024 công tác rà soát và tự kiểm tra văn bản sau rà soát theo chuyên đề 1; Báo cáo số 350/BC-UBND ngày 16/5/2024 về tự kiểm tra Công văn số 371/UBND-KT ngày 17/5/2022 về việc thực hiện thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy. Trong 06 tháng đầu năm 2024, qua kiểm tra, rà soát có 01 VBQPPL cần được xử lý.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Công khai TTHC, danh mục TTHC: UBND thành phố niêm yết các TTHC được thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố và thông báo danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết UBND thành phố, UBND các xã, phường, ngành dọc đóng tại địa phương và cấp tỉnh được tiếp nhận tại các Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND thành phố và UBND các xã, phường. Các TTHC được số hóa thành mã QR code giúp người dân dễ dàng tra cứu. Ngoài ra, còn thông báo trên Cổng thông tin điện tử thành phố (<http://phuquoc.gov.vn>) và zalo Cổng Dịch vụ công thành phố Phú Quốc (Zalo Official Account).

- Niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố: TTHC cấp huyện là 258 thủ tục/51 lĩnh vực/16 ngành; TTHC cấp tỉnh tiếp nhận tại cấp huyện là 17 TTHC/01 lĩnh vực/01 ngành (trong đó có 08 TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả TTHC về đất đai của hộ gia đình, cá nhân không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn thành phố Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên - giai đoạn 1); TTHC ngành dọc được tiếp nhận tại cấp huyện là 05 TTHC/01 lĩnh vực/01 ngành; Liên thông (các TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh; thành lập và hoạt động của Hợp tác xã thực hiện liên thông cấp mã số thuế) là 21 thủ tục.

- Niêm yết tại các Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND xã, phường: TTHC cấp xã là 152 thủ tục/28 lĩnh vực/10 ngành; TTHC cấp huyện tiếp nhận

tại cấp xã là 02 TTHC/01 lĩnh vực; TTHC ngành dọc được tiếp nhận tại cấp huyện là 14 thủ tục/05 lĩnh vực; Liên thông (cùng cấp) là 03 thủ tục.

- UBND thành phố đã ban hành Thông báo số 191/TB-UBND ngày 23/02/2024 về việc thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đất đai của hộ gia đình, cá nhân không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn thành phố Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên (giai đoạn 1), nhằm thông báo đến người sử dụng đất được biết và thực hiện.

b) Rà soát, đơn giản hóa TTHC

- Công tác rà soát đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC luôn được Lãnh đạo UBND thành phố quan tâm, chú trọng chỉ đạo thực hiện thường xuyên và được cụ thể hóa bằng các nhiệm vụ trong công tác cải cách TTHC tại đơn vị, đạt nhiều kết quả tích cực, được nhân dân và doanh nghiệp đồng tình ủng hộ.

- UBND thành phố đã ban hành Công văn số 251/UBND-KSTT ngày 21/02/2024 về việc kiến nghị cập nhật TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kiên Giang; Công văn số 284/UBND-KSTT ngày 23/02/2024 về việc kiến nghị, hỗ trợ các nội dung liên quan đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kiên Giang; Công văn số 350/UBND-VP ngày 04/3/2024 về việc triển khai nhiệm vụ, chỉ tiêu giao tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ; Công văn số 405/UBND-KSTT ngày 08/3/2024 về việc hỗ trợ cập nhật số tài khoản thụ hưởng phí, lệ phí thanh toán trực tuyến các TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 13/3/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2024.

- Về công tác triển khai xây dựng, thực hiện và rà soát quy trình ISO, UBND thành phố ban hành các văn bản sau: Công văn số 82/UBND-VP ngày 15/01/2024 về việc triển khai thí điểm phần mềm ISO điện tử; Công văn số 130/UBND-VP ngày 19/01/2024 về việc thực hiện sử dụng phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kiên Giang; Công văn số 384/UBND-VP ngày 06/3/2024 nhằm yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra dữ liệu được cập nhật trên phần mềm ISO điện tử; Công văn 617/UBND-VP ngày 08/4/2024 việc xây dựng quy trình ISO thủ tục hành chính lĩnh vực Viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nội vụ theo quyết định UBND tỉnh ban hành; Công văn 561/UBND-VP ngày 28/3/2024 về việc sửa đổi, bổ sung quy trình ISO thủ tục hành chính lĩnh vực Đường thủy nội địa theo quyết định UBND tỉnh ban hành; Công văn số 744/UBND-VP ngày 23/4/2024 về việc vận hành, sử dụng phần phần mềm ISO điện tử; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 25/01/2024 về việc thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2024; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 30/01/2024 về việc Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND thành phố Phú Quốc năm 2024; Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (*Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất*

lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 về việc công bố Hệ thống Quản Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Thông báo số 330/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 về việc công bố Hệ thống Quản Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015): số lượng TTHC được ban hành quy trình ISO là 279 quy trình/254 TTHC.

c) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC: tổng số tiếp nhận mới phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC trong 6 tháng đầu năm 2024 là 17 phản ánh, kiến nghị thuộc lĩnh vực đất đai. Cụ thể như sau: từ Công Chính phủ: trong kỳ không có tiếp nhận mới, kỳ trước chuyển qua 03 PAKN, đang giải quyết 03 PAKN; từ các cơ quan cấp tỉnh: tiếp nhận mới 04 PAKN, kỳ trước chuyển qua 04 PAKN, đang giải quyết 07 PAKN; từ các cơ quan thành phố: nhận mới 13 PAKN, kỳ trước chuyển qua 10 PAKN, đã giải quyết 09 PAKN, đang giải quyết 17 PAKN.

d) Tình hình, kết quả giải quyết TTHC; kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kiên Giang tại thành phố Phú Quốc trong 6 tháng đầu năm 2024 (từ ngày 11/12/2023 đến ngày 10/6/2024).

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố: số hồ sơ thuộc thẩm quyền UBND thành phố: Số hồ sơ tiếp nhận mới là 4.447 hồ sơ, số kỳ trước chuyển sang là 797 hồ sơ. Giải quyết 4.070 hồ sơ (trước hạn 3.817 hồ sơ, trễ hạn 253 hồ sơ), 207 hồ sơ dừng xử lý và người dân rút. Tồn 967 hồ sơ (chưa đến hạn 572 hồ sơ, quá hạn 395 hồ sơ). Tỷ lệ đúng hạn đạt: 87%. Trong đó, hồ sơ đất đai quá hạn xử lý là 395 hồ sơ; số hồ sơ cấp tỉnh và ngành dọc: Số hồ sơ tiếp nhận mới là 8.212 hồ sơ, số kỳ trước chuyển sang là 542 hồ sơ. Giải quyết 7.647 hồ sơ (trước hạn 7.599 hồ sơ, trễ hạn 48 hồ sơ), 268 hồ sơ dừng xử lý và người dân rút. Tồn 839 hồ sơ (chưa đến hạn 822 hồ sơ, quá hạn 17 hồ sơ). Tỷ lệ đúng hạn đạt: 99%.

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường: số hồ sơ tiếp nhận mới là 4.579 hồ sơ, kỳ trước chuyển sang là 69 hồ sơ. Giải quyết 5.521 hồ sơ (trước hạn 5.219 hồ sơ, trễ hạn 302 hồ sơ), 77 hồ sơ dừng xử lý và người dân rút. Tồn 79 hồ sơ (còn trong hạn 74 hồ sơ, quá hạn 05 hồ sơ). Tỷ lệ đúng hạn đạt: 94,52%.

* Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ: có thực hiện theo quy định, tuy nhiên hồ sơ đất đai trễ hạn nhiều chưa thực hiện đầy đủ trong thực hiện xin lỗi người dân.

đ) Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- UNND thành phố đã trang bị các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động tại các Bộ phận Tiếp nhận và như: ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng, camera giám sát, điện thoại, nước uống, bảng niêm yết TTHC. Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố Phú Quốc có trang bị: máy lấy số xếp hàng tự động, tivi theo dõi số thứ tự, các màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin. Ngoài ra, Bộ phận còn trang bị 02 máy tính hỗ trợ,

hướng dẫn người dân thực hiện hồ sơ trực tuyến, có bố trí nhân viên hỗ trợ, hướng dẫn. Việc bố trí trang thiết bị đầy đủ và hiện đại giúp người dân thực hiện TTHC dễ dàng và nhanh chóng, tạo sự hài lòng cho người dân.

- Hiện nay, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố tiếp nhận hồ sơ gồm 09 người, gồm: Công an thành phố; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố; Bưu điện và Văn phòng HĐND và UBND thành phố. Trình độ chuyên môn: 06 đại học, 02 cao đẳng, 01 trung cấp.

- Tất cả các Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đều đã thực hiện Bộ nhận diện thương hiệu (theo Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND thành phố), đạt 100%.

- TTHC được tiếp nhận tại các Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả: Cấp huyện: 297 thủ tục. Trong đó, TTHC cấp huyện: 258 thủ tục/51 lĩnh vực/16 ngành (có 223 thủ tục nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố; Có 35 thủ tục được quy định tiếp nhận tại Ban tiếp công dân, Hạt kiểm lâm và các trường theo quy định); TTHC cấp tỉnh tiếp nhận tại cấp huyện: 12 thủ tục hành chính/01 lĩnh vực; TTHC ngành dọc được tiếp nhận tại cấp huyện: 05 thủ tục/02 lĩnh vực; Liên thông (các TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh; thành lập và hoạt động của Hợp tác xã thực hiện liên thông cấp mã số thuế): 21 thủ tục; Cấp xã: 168 thủ tục. Trong đó, TTHC cấp xã: 152 thủ tục/28 lĩnh vực/10 ngành; TTHC cấp huyện tiếp nhận tại cấp xã: 02 thủ tục hành chính/01 lĩnh vực; TTHC ngành dọc được tiếp nhận tại cấp huyện: 14 thủ tục/05 lĩnh vực; Liên thông (cùng cấp): 03 thủ tục.

*** Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI):**

- Đối với hồ sơ thuộc TTHC cấp huyện: tiếp nhận qua BCCI là 1.725/4.447 hồ sơ, đạt 38,79%; trả kết quả 18/1.725 hồ sơ, đạt 1,04%.

- Đối với hồ sơ thuộc TTHC ngành dọc (Căn cước công dân): tiếp nhận qua BCCI là 4.895/4.895 hồ sơ, đạt 100%; trả kết quả 4.895/4.895 hồ sơ, đạt 100%.

*** Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC**

- Công tác công khai địa chỉ và thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố thực hiện tốt, đầy đủ và đúng quy định. Có bố trí thùng thư góp ý, phát phiếu thăm dò ý kiến (bằng 02 hình thức: phiếu giấy và trực tuyến - QR.code trên Cổng dịch Zalo vụ công thành phố và Cổng thông tin điện tử thành phố) để nhận các ý kiến góp ý của người dân, hàng tháng đều có tổng hợp đánh giá.

- Kết quả 6 tháng đầu năm 2024, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố, UBND các xã, phường được 759 phiếu đánh giá, có 754/759 phiếu đánh giá hài lòng, đạt 99%.

e) Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử: Lãnh đạo UBND thành phố chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính

phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kiên Giang.

* Kết quả phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức (giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh):

- Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố (TTHC cấp huyện): số hồ sơ nộp trực tuyến là 4.338/4.340 hồ sơ, đạt 99,95% (tổng số tiếp nhận hồ sơ trong kỳ 4.447 hồ sơ, trong đó có 107 hồ sơ không thuộc dịch vụ công trực tuyến là lĩnh vực Chứng thực và Người có công); số hồ sơ tiếp nhận được cung cấp toàn trình: 4.110/5.224 hồ sơ, đạt 78,67%; số hồ sơ thanh toán trực tuyến: 2.363 hồ sơ; số hồ sơ chứng thực điện tử: 181 hồ sơ;

- Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường (TTHC cấp xã): số hồ sơ nộp trực tuyến: 2.147 hồ sơ; số hồ sơ tiếp nhận được cung cấp toàn trình: 2.286/5.677 hồ sơ, đạt 40,27%; số hồ sơ thanh toán trực tuyến: 503 hồ sơ; số hồ sơ chứng thực điện tử: 74 hồ sơ; số hồ sơ dịch vụ công liên thông: 605 hồ sơ (Trong đó, liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi: 387 hồ sơ; liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng: 86 hồ sơ; liên thông nhóm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn: 132 hồ sơ).

* Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết TTHC:

- Số hoá khi tiếp nhận là 8.737/10.054 hồ sơ, đạt tỷ lệ 86,90% (trong đó, cấp huyện 4.412/4.446 hồ sơ, đạt 99,24%, cấp xã 4.325/5.608 hồ sơ, đạt 77,12%);

- Số hoá hồ sơ kết quả giải quyết là 7.346/9.228 hồ sơ, đạt tỷ lệ 79,61% (trong đó, cấp huyện 3.599/3.796 hồ sơ, đạt 94,81%, cấp xã 3.747/5.432 hồ sơ, đạt 69,98%).

g) Công tác truyền thông về kiểm soát TTHC

- UBND thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng của công tác kiểm soát TTHC, phổ biến và chỉ đạo áp dụng nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, thành phố đến tất cả cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng về công tác đẩy mạnh công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 06/02/2024 về thông tin, truyền thông về kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2024.

- Thực hiện kịp thời, hiệu quả kênh tiếp nhận, phản hồi, xử lý, ý kiến, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định liên quan đến kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Niêm yết phản hồi các thông tin phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả nơi xử lý và niêm yết lên Cổng thông tin điện tử thành phố.

- Thực hiện lồng ghép công tác tuyên truyền kiểm soát TTHC và thực

hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC vào trong cuộc họp thường kỳ của Ủy ban, cuộc họp giao ban, sinh hoạt của công đoàn, sinh hoạt chi bộ,...

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện, tra cứu tiến độ giải quyết các TTHC được tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố, qua dịch vụ bưu chính công ích, trên môi trường mạng qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Đặc biệt, luôn chú trọng việc hướng dẫn và hỗ trợ công dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, công tác thực hiện trả kết quả một số thủ tục thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố niêm yết địa chỉ và hướng dẫn công dân truy cập Cổng thông tin điện tử về việc tra cứu kết quả hồ sơ, tìm hiểu về TTHC khi người dân đến làm TTHC.

- Cổng dịch vụ công thành phố Phú Quốc (nền tảng zalo): thường xuyên cập nhật niêm yết, thông báo các nội dung liên quan liên quan đến TTHC, hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố, UBND các xã, phường. Thông tin được cập nhật và truyền tải đến người dân nhanh chóng, hiệu quả, được nhiều người dân quan tâm, tiếp cận.

h) Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

- UBND thành phố chỉ đạo thường xuyên kiểm tra công tác kiểm soát TTHC. Định kỳ hàng tháng kiểm tra, báo cáo kết quả giải quyết TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố; báo cáo phản ánh, kiến nghị; báo cáo tổng hợp thăm dò ý kiến. Ngày 23/02/2024, UBND thành phố đã ban hành Công văn số 285/UBND-KSTT nhằm hướng dẫn thực hiện báo cáo kiểm soát và giải quyết TTHC; kiểm soát TTHC và kết quả thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ.

- Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, kịp thời khắc phục những sai sót trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ. UBND thành phố đã ban hành các văn bản nhằm kiểm tra, chấn chỉnh công tác triển khai thực hiện như: Công văn số 2221/UBND-VP ngày 11/12/2023 về việc triển khai thực hiện Công văn số 9482/VPCP-KSTT ngày 04/12/2023 của Văn phòng Chính phủ nhằm kiểm tra, rà soát các hồ sơ quá hạn xử lý để xử lý dứt điểm trên Hệ thống; Công văn số 349/UBND-VP ngày 04/3/2024 về việc chấn chỉnh tình hình triển khai thực hiện 02 nhóm TTHC liên thông “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng”.

- UBND thành phố đã ban hành và triển khai các văn bản nhằm thực hiện kiểm tra nhiệm vụ kiểm soát TTHC trên địa bàn thành phố năm 2024 như sau: Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 20/3/2024 về kiểm tra nhiệm vụ kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2024; Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa

bàn thành phố Phú Quốc năm 2024. Đoàn Kiểm tra kiểm soát TTHC thực hiện và triển khai có hiệu quả các văn bản sau: Kế hoạch số 27/KH-ĐKT ngày 19/4/2024 về việc Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2024; Thông báo số 129/TB- ĐKT ngày 19/4/2024 về lịch kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2024.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: trên cơ sở quy định của các Bộ, ngành và hướng dẫn của UBND tỉnh, UBND thành phố đã kịp thời rà soát và ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố. Kết quả đã ban hành 12 quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của 12 phòng chuyên môn.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: UBND thành phố đã rà soát, sắp xếp và tổ chức lại 33 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó gồm 32 đơn vị trường học và 01 đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc UBND thành phố.

c) Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức của thành phố được thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và sổ được giao. Hiện nay, biên chế hành chính được giao là 104, hiện có mặt là 102, biên chế chưa sử dụng là (trong đó đã đăng ký nhu cầu tuyển dụng năm 2024 là 01, bố trí vị trí lãnh đạo là 01); biên chế sự nghiệp có mặt 1.212/1.367 biên chế, còn 155 biên chế chưa sử dụng.

d) Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền cơ bản đảm bảo theo đúng quy định, việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định phân cấp hiện hành.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: UBND thành phố đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của 12 cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, cả 02 đề án đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt. Đây là cơ sở để địa phương thực hiện công tác bố trí, sử dụng, tổ chức tuyển dụng, đào tạo theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức: trong kỳ báo cáo chưa tổ chức tuyển dụng viên chức và công chức cấp xã.

c) *Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:* bổ nhiệm lại 02 công chức; bổ nhiệm lại 07 viên chức; điều động, bổ nhiệm 07 viên chức; cho thôi giữ chức vụ 01 viên chức.

d) *Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo:* 06 công chức đạt kết quả kỳ thi từ ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính và 02 công chức dự thi nâng ngạch từ cán sự lên chuyên viên.

đ) *Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức:* đề thực hiện tốt việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2024 về kiểm tra việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật công vụ năm 2024, đến thời điểm này đã tiến hành kiểm tra 02/9 đơn vị. Trong kỳ báo cáo, kỷ luật 07 trường hợp, tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 08 tập thể, 05 cá nhân.

e) *Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:* đề thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 663/KH-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2024 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024, kết quả: cử đi bồi dưỡng được 94 người.

f) *Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước:* không có.

5. Cải cách tài chính công

a) *Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị, địa phương*

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được UBND tỉnh giao: thực hiện thu NSNN ước quý 2 năm 2024 là **1.224,133** tỷ đồng, đạt **13,75%** dự toán thu trên địa bàn, đạt **59,15%** so cùng kỳ. Thu phân cấp thành phố quản lý ước quý 2 năm 2024 là **473,854** tỷ đồng, đạt **8,69%** dự toán thành phố quản lý, đạt **40,57%** so cùng kỳ. Thu do Cục thuế quản lý ước quý 2 năm 2024 là **750,279** tỷ đồng, đạt **21,78%** so dự toán, đạt **83,22%** so cùng kỳ.

- Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: kế hoạch vốn đầu tư công ước quý 2 năm 2024 trên địa bàn thành phố Phú Quốc được UBND tỉnh giao kể cả điều chỉnh, cụ thể:

S T T	NỘI DUNG	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2024 (điều chỉnh)	Khối lượng thực hiện		Giải ngân		Đạt tỷ lệ % so với KH đầu năm 2024	Đạt tỷ lệ % so với KH điều chỉnh	Đạt tỷ lệ % so với cùng kỳ
					KLTH tháng 6/2024	KLTH từ quý 2/2024 (từ tháng 4/2024 đến 30/6/2024)	Giải ngân tháng 6/2024	KLTH từ quý 2/2024 (từ tháng 4/2024 đến 30/6/2024)			
I	Nguồn vốn XDCB Kế hoạch		305.984	313.642	85.761	85.761	84.569	84.569	27,64	26,96	88,98

	2024										
1	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!	-
2	Kho bạc thành phố quản lý		305.984	313.642	85.761	85.761	84.569	84.569	27,64	26,96	88,98
	- Nguồn XDCB tập trung (Cân đối NS)	TT	51.000	51.000	22.847	22.847	22.347	22.347	43,82	43,82	17.596,06
	+ Đầu tư các dự án		51.000	51.000	22.847	22.847	22.347	22.347	43,82	43,82	
	- Nguồn thu sử dụng đất		167.634	167.634	38.401	38.401	37.709	37.709	22,49	22,49	39,76
	+ Nguồn thu sử dụng đất 60%	SDD	150.000	150.000	38.401	38.401	37.709	37.709	25,14	25,14	85,31
	+ Nguồn sử dụng đất 40% (tính phân bổ GTNT)		17.634	17.634		-		-	-	-	-
	- Nguồn XSKT	XS	87.350	87.350	24.513	24.513	24.513	24.513	28,06	28,06	32.684,00
	+ ĐTXD các dự án		60.000	60.000	20.763	20.763	20.763	20.763			
	+ Nhà tình nghĩa + nhà người có công		650	650	290	290	290	290			
	+ GTNT các xã, phường		26.700	26.700	3.460	3.460	3.460	3.460			
	- Nguồn tăng thu XSKT		-	-	-	-	-	-			
	- Nguồn CTMTQG XDNT mới			7.658		-		-			
II	Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2023 sang năm 2024		-	109.516	-	-	-	-	#DIV/0!	-	#REF!
	Chuyển nguồn dự toán: Cảng hành khách Quốc tế			109.516		-		-	#DIV/0!	-	

- Chi XDCB nguồn kết dư ngân sách thành phố (*Kế hoạch kể cả điều chỉnh 220,200 tỷ đồng*): ước thực hiện quý 2 năm 2024 là **45,566** tỷ đồng đạt **22,06%** so kế hoạch.

- Nguồn vốn XDCB năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 (kế hoạch điều chỉnh **146,678** tỷ đồng): thực hiện ước quý 2 năm 2024 là **28,220** tỷ đồng, đạt **19,24%** so kế hoạch điều chỉnh, đạt **59,32%** so cùng kỳ.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: địa phương thực hiện Thông báo kết luận số 111/TB-KV V ngày 16/10/2023 của kiểm toán Nhà nước Khu vực V về việc thông báo kết quả kiểm toán tại UBND thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (theo Báo cáo số 61/BC-UBND ngày 07/02/2024 của UBND thành phố Phú Quốc về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước); địa phương thực hiện Kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính (theo Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 16/01/2024 của UBND thành phố Phú Quốc).

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: địa phương thực hiện tốt các quy định quản lý, sử dụng tài sản công đúng theo các văn bản quy định. Đầu năm 2024 các đơn vị hành chính (12/12 đơn vị); Đảng, đoàn thể (6/6 đơn vị); các đơn vị sự nghiệp (43/43 đơn vị: 11 đơn vị sự nghiệp và 32 trường); 07 xã, 02 phường) điều xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị; Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang; Thông tư số 23/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang).

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (BC kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ)

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính sự nghiệp theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

d) Thực hiện công khai tài chính, công khai thu, chi ngân sách (đối với ngân sách cấp thành phố và cấp xã, phường) theo quy định: công khai về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách cấp thành phố và cấp xã, phường ước quý 2/2024 (chưa đến thời gian thực hiện).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số ở cơ quan, đơn vị, địa phương: nhằm hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, trên cơ sở cụ thể hoá các văn bản, kế hoạch về Chuyển đổi số, CCHC. UBND thành phố ban hành các văn bản như: Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 13/3/2024 về Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2024; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số và Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố Phú Quốc. Ban chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố Phú Quốc ban hành Kế hoạch số 205/KH-BCĐ ngày 29/3/2024 về hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố Phú Quốc năm 2024.

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Về hạ tầng viễn thông cố định: hạ tầng viễn thông cố định băng thông rộng cáp quang được thiết lập đến 100% các xã, phường trên địa bàn thành phố.

- Hạ tầng viễn thông di động: trên địa bàn thành phố có 552 trạm thu phát sóng thông tin di động 3G/4G/5G (Viettel 210 trạm, Mobifone 200 trạm, Vinaphone 142 trạm) phủ sóng đến 100% khu dân cư, ấp, khu phố của các xã, phường góp phần đảm bảo thông tin liên lạc cho các cấp chính quyền địa phương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu người dân trên địa bàn.

- Hạ tầng Internet băng thông rộng: 100% các cơ quan, ban, ngành thành phố, UBND các xã, phường đều được kết nối mạng nội bộ, internet.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước được trang bị đầy đủ máy tính trong xử lý công việc.

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: đẩy mạnh việc sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

- Cập nhật và khai thác các ứng dụng dùng chung sử dụng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) kết nối nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước với các dịch vụ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hộ tịch; lý lịch tư pháp; cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; văn bản quy phạm pháp luật; bưu chính công ích; danh mục dùng chung; hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc; hệ thống thông tin giải quyết TTHC;...

- Đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, TTHC để phát triển dữ liệu, 100% văn bản gửi đi đều được số hóa, sử dụng ký số và phát hành đến các cơ quan, đơn vị trên môi trường điện tử.

* Kết quả thực hiện số hoá hồ sơ khi tiếp nhận và trả kết quả TTHC trong 6 tháng đầu năm 2024 cụ thể: số hoá khi tiếp nhận là 8.737/10.054 hồ sơ, đạt tỷ lệ 86,90% (trong đó, cấp huyện 4.412/4.446 hồ sơ, đạt 99,24%, cấp xã 4.325/5.608 hồ sơ, đạt 77,12%); số hoá hồ sơ kết quả giải quyết là 7.346/9.228 hồ sơ, đạt tỷ lệ 79,61% (trong đó, cấp huyện 3.599/3.796 hồ sơ, đạt 94,81%, cấp xã 3.747/5.432 hồ sơ, đạt 69,98%).

d) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc: 100% các phòng, ban, cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường đều đã sử dụng phần mềm văn phòng điện tử VNPT để xử lý công việc. 100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố đã thực hiện việc ký số, phát hành văn bản điện tử; 100% các

xã, phường đã sử dụng Trang hồ sơ công việc để nhận và gửi văn bản, tuy nhiên còn một số xã chưa thực hiện ký số văn bản điện tử.

- Hệ thống thư điện tử: tích cực sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ phục vụ trao đổi công việc giữa các cơ quan nhà nước. 100% cán bộ, công chức, viên chức được cấp thư điện tử, tỉ lệ thường xuyên sử dụng đạt 100%. Tỷ lệ lãnh đạo được cấp và thường xuyên sử dụng mail đạt 100% (Hiện quản lý 446 mail công vụ của tổ chức, cá nhân các cơ quan Đảng, đoàn thể, ban, ngành và 162 mail công vụ của các trường học).

- Cổng thông tin điện tử: được xây dựng đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Nhà nước, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, tích hợp các kênh thông tin hỗ trợ người dân và doanh nghiệp dễ dàng giao tiếp với cơ quan nhà nước thông qua môi trường điện tử. Thường xuyên viết, cập nhật tin, bài, tài liệu, hình ảnh, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền thành phố; công tác chuyển đổi số; công khai các quy hoạch, dự án được phê duyệt, triển khai trên địa bàn, qua đó kịp thời phản ánh các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố. Trong kỳ báo cáo đã viết và cập nhật 297 tin; đăng và cập nhật 110 văn bản trên Cổng Thông tin điện tử thành phố với 1.150.000 lượt truy cập.

- Phần mềm ký số VGCA: hiện thành phố quản lý 357 chứng thư số TOKEN (32 tổ chức, 325 cá nhân) và 60 chứng thư số SIM PKI cá nhân. Trong đó đã đề nghị thu hồi 06 chứng thư số (04 SIM, 02 TOKEN). Đồng thời đã đề nghị cấp mới 161 chứng thư số (TOKEN) cho 129 cá nhân và 32 tổ chức các trường học trên địa bàn thành phố nhưng hiện nay Sở Thông tin và Truyền thông đang rà soát nên chưa cấp chữ ký số cho các trường học.

- Phần mềm chuyên ngành, quản lý hoạt động nội bộ, các hệ thống phần mềm khác của các cơ quan, đơn vị đang sử dụng như: phần mềm kế toán, phần mềm tư pháp hộ tịch, bảo hiểm xã hội, phần mềm quản lý tài sản; quản lý cán bộ công chức, phần mềm quản lý ngân sách v.v...

đ) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kiên Giang góp phần cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến trên diện rộng cho người dân, doanh nghiệp làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước minh bạch, giải quyết hồ sơ TTHC nhanh gọn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức có tài khoản trên Cổng dịch vụ công: có 1.200 cán bộ, công chức, viên chức của thành phố có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia/tổng số 2.101 CB,CC,VC đạt 57,11%, trong đó công chức đạt 100%.

- * Kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Kiên Giang tại thành phố Phú Quốc trong 6 tháng đầu năm 2024 cụ thể:

TT	Nội dung	Hồ sơ thuộc thẩm quyền UBND thành phố	Tỷ lệ	Hồ sơ ngành dọc và cấp tỉnh	Tỷ lệ	UBND các xã, phường	Tỷ lệ
1	Tổng số hồ sơ	5.243		8.754		5677	
1.1	Tiếp nhận mới	4.447		8.212		5.608	
1.2	Số kỳ trước chuyển qua	796		542		69	
2	Số hồ sơ đã giải quyết	4.070	77,6%	7.674	87,6%	5.521	97,25%
2.1	Đúng hạn	3.817	93,8%	7.599	99%	5.219	94,5%
2.2	Trễ hạn	253	6,2%	48	1%	302	5,5%
3	Dừng xử lý, Rút hồ sơ	206		268		77	
4	Hồ sơ tồn đọng	967		839		79	
4.1	Trong hạn	572		822		74	
4.2	Quá hạn	395		17		5	
5	Hồ sơ nộp trực tuyến	4.338		3.077		2.147	
6	Hồ sơ thanh toán trực tuyến	2.363		0		503	

* Số hồ sơ TTHC cấp huyện được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích là 1.725/4447 hồ sơ, đạt 38,79%. Trả kết quả 18/1.725 hồ sơ, đạt 1%.

* Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Có bố trí thùng thư góp ý, phát phiếu thăm dò ý kiến (bằng 02 hình thức: phiếu giấy và trực tuyến - QR.code trên Cổng dịch Zalo vụ công thành phố và Cổng thông tin điện tử thành phố) để nhận các ý kiến góp ý của người dân, hàng tháng đều có tổng hợp đánh giá. Kết quả 6 tháng đầu năm 2024, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố, UBND các xã, phường được 759 phiếu đánh giá, có 754/759 phiếu đánh giá hài lòng đạt 99%.

e) *Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh:* hiện tại dự án Đô thị thông minh thành phố Phú Quốc đã được điều chỉnh thay đổi chủ đầu tư từ Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng khu vực Phú Quốc cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang.

g) *Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình:* tổng số hồ sơ tiếp nhận mức độ toàn trình 6.367/10.829 hồ sơ, đạt 58,8% (trong đó cấp Huyện 4.081/5.152 hồ sơ, đạt 79,2%, cấp xã 2.286/5.677 hồ sơ, đạt 40,27%).

III. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ PAPI, PCI, PGI, PAX INDEX, SIPAS

1. Tình hình triển khai kế hoạch văn bản của cấp trên: Căn cứ Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Cải cách hành chính (Par Index), Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Xanh cấp tỉnh (PGI) và Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. UBND thành phố đã có Công văn số 1548/UBND-PNV ngày 12/9/2023 về việc triển khai Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai rộng rãi đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

2. Việc thực hiện kế hoạch: Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, UBND thành Phú Quốc đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 772/KH-UBND ngày 21/11/2023 của UBND thành phố Phú Quốc về cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Cải cách hành chính (Par Index), Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Xanh cấp tỉnh (PGI) và Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn thành phố Phú Quốc để quán triệt, triển khai tại địa phương nhằm cụ thể hóa cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

3. Kết quả thực hiện theo kế hoạch: Căn cứ Kế hoạch số 772/KH-UBND ngày 21/11/2023 của UBND thành phố Phú Quốc, các cơ quan, đơn vị và các xã, phường đã xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện. Nhìn chung các cơ quan, đơn vị, các xã, phường đã triển khai thực hiện tốt các nội dung theo yêu cầu. Các cơ quan, đơn vị, các xã, phường đều thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả trên các lĩnh vực nhằm nâng cao các chỉ số PAPI, PCI, PGI, PAR INDEX. Kết quả: Chỉ số Par index của thành phố năm 2023 đạt 88,34 điểm, xếp loại tốt, đứng thứ 4/15 huyện, thành phố tăng 9 bậc so với năm 2022 (theo Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang); về chỉ số PGI và PCI, UBND thành phố ban hành Báo cáo 442/BC-UBND ngày 14/6/2024 về Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) 6 tháng đầu năm 2024, Báo cáo 443/BC-UBND ngày 14/6/2024 về Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 6 tháng đầu năm 2024.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

a) Cùng với sự chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo UBND thành phố và các cơ quan có liên quan kịp thời ban hành các quyết định, kế hoạch giao nhiệm vụ, quy định thời gian từng công việc cụ thể, có kiểm tra chặt chẽ và hướng dẫn, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ từ đó công tác CCHC trong năm đã đạt những kết quả nổi bật.

b) Nhận thức, tinh thần trách nhiệm, ý thức của đội ngũ công chức, viên chức có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả trong giải quyết TTHC; việc triển khai thực hiện đổi mới phương thức làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giữa xã, phường và thành phố đã góp phần vào thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính đã đạt nhiều kết quả đáng kể.

c) Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được đẩy mạnh góp phần thay đổi thói quen làm việc từ truyền thống sang môi trường điện tử, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tiết kiệm chi phí và thời gian, công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC.

d) Việc triển khai thực hiện đổi mới phương thức làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giữa xã, phường và thành phố đã góp phần vào thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính đã đạt nhiều kết quả đáng kể.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Công tác phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong thực hiện công tác CCHC có lúc chưa được nhịp nhàng.

b) TTHC tuy có được kiểm soát, cập nhật, cải tiến nhưng trên thực tế việc kiến nghị cấp trên điều chỉnh, bãi bỏ văn bản không còn hiệu lực pháp luật còn chậm. Cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC đa số là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi, nhất là đối với cấp xã nên việc theo dõi không được liên tục và thường xuyên.

c) Kết quả giải quyết hồ sơ có nhiều tiến bộ, tuy nhiên do tính chất phức tạp của đất đai Phú Quốc nên số lượng hồ sơ lĩnh vực đất đai còn tồn đọng nhiều và còn chậm so với quy trình chuẩn ISO; chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả.

d) Công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục cho công dân được áp dụng nhưng hiệu quả chưa cao, cụ thể là việc giải quyết hồ sơ trên hệ thống còn trễ hạn, tồn đọng.

đ) Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ đã có sự chuyển biến tích cực, tuy nhiên chưa đẩy mạnh thực hiện ký số kết quả điện tử nên chưa phát huy hiệu quả của việc khai thác tái sử dụng các kết quả TTHC đã được số hóa.

V. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG THỜI GIAN SẮP TỚI

Phát huy kết quả đã đạt được trong CCHC thời gian qua, để thực hiện tốt chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ, chương trình CCHC của tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian sắp tới, UBND thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ như sau:

1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, đôn đốc nhắc nhở các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thực hiện công tác CCHC nhằm nâng cao Chỉ số CCHC trong năm 2024.

b) Tiếp tục tổ chức tuyên truyền tin, bài liên quan đến công tác cải cách hành chính trên hệ thống Truyền thanh truyền hình, cổng thông tin điện tử thành phố và các khẩu hiệu tuyên truyền về CCHC trên bảng điện tử tại UBND các xã phường; tổ chức cuộc thi về CCHC.

2. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện về cải cách thể chế. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời kiểm tra, rà soát, phát hiện và xử lý quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

b) Triển khai các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức.

3. Cải cách TTHC

a) Tập trung rà soát các văn bản, đặc biệt trong lĩnh vực giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những văn bản không phù hợp; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC về thời gian; tiếp tục thực hiện tốt công khai minh bạch các TTHC, biểu mẫu, lệ phí, thời gian giải quyết cho từng công việc.

b) Cập nhật đầy đủ số lượng TTHC thuộc thẩm quyền.

c) Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

d) Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh hướng dẫn, khuyến khích người dân thực hiện nộp hồ sơ, thanh toán phí, lệ phí và nhận kết quả qua dịch vụ BCCI.

đ) Thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết TTHC theo quy định, đẩy mạnh việc trả kết quả điện tử nhằm phát huy hiệu quả của việc khai thác, tái sử dụng các kết quả TTHC đã được số hóa.

4. Cải cách tổ chức, bộ máy

a) Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp.

b) Quyết định phân bổ biên chế đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp khi được tỉnh giao; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của cấp trên.

5. Cải cách công vụ

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng.

b) Thực hiện công tác điều động, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu nhiệm vụ.

6. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công

lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tiếp tục thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính sự nghiệp theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

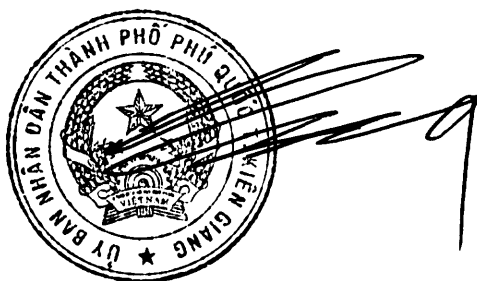
7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, Chính quyền số: xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai chính quyền điện tử trên địa bàn thành phố.

Trên đây là Báo cáo công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2024 và chương trình trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024 của UBND thành phố Phú Quốc. *T.H*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Thành ủy;
- CT, các PCT. UBND TP;
- Phòng Nội vụ;
- LĐVP + đ/c Thu Thảo;
- Các Cơ quan chuyên môn;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, pnv (03b).

CHỦ TỊCH



Huỳnh Quang Hưng

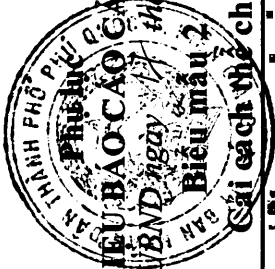


BIỂU MẪU THÔNG KÊ SƠ LƯỢC BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÁC HÀNH CHÍNH (6 tháng)
(Kèm theo Báo cáo số 45/BC-UBND của UBND thành phố)

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)		6	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)		77	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch		35	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành		27	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra			
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra		3	phòng chuyên môn
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		5	xã
3.3.1	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra			Đã tổ chức kiểm tra, hiện nay
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong			0 đang hoàn thiện hồ sơ kiểm tra
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)		0	
4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra			
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra			
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao		44	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn		3	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn		10	

STT	Chi tiêu thông kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý) 6 tháng, năm)	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành		11	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		1	
6.1	Số lượng phiếu khảo sát		759	
6.2	Hình thức khảo sát		2	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp		0	



BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỔ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (6 tháng)
(Kèm theo Báo cáo số 45/L/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành		0	
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành			
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành			
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành			
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh			
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra			
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra			
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong			
3	Rà soát VBQPPL		1	
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh			
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát		100	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát			Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND huyện Phú Quốc
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong			

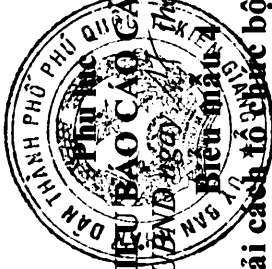


BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BAO CAO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (6 tháng)
(Kèm theo Báo cáo số 452/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố)

Cải cách/thực hiện hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Thực hiện theo các quyết định do UBND tỉnh ban hành
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa			
1.2	Số TTHC công bố mới		15	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế		31	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương		429	
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)		17	
1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)		263	
1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)		166	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp		21	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền		14	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.		8	
3	Kết quả giải quyết TTHC		9.038	
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn			
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong			
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn			
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn		87	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong		4.070	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn		3.819	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn		94,52	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong		5.521	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn		5.219	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC		25	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)		36	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong		9	



BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (6 tháng)
(Kèm theo Báo cáo số *AS/LBC-UBND* ngày *11* tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố)

Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo, hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ			
1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ			
1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh			
1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập			
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương		40	
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh			
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương			
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện		40	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015		0	tăng 01 đơn vị so với năm 2015
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm		104	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo		102	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính		7	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2023/NĐ-CP (ở các cơ quan chuyên môn)
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo		1	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015		9,5	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao		1,367	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo		1,212	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3	Số người đã tỉnh giảm trong kỳ báo cáo		1	
3.4	Tỷ lệ % đã tỉnh giảm so với năm 2015		1,76	

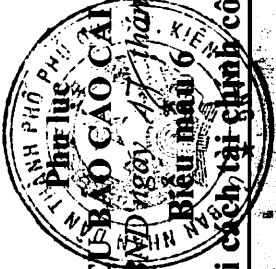


BIỂU MẪU THÔNG KÊ SƠ LƯỢC BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (6 tháng)
(Kèm theo Báo cáo số 452/BC-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố)

Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị	Số liệu	
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			(công chức: 09 lãnh đạo quản lý, 46 chuyên ngành, 07 chuyên môn dùng chung, 04 hỗ trợ phục vụ; viên chức: 08 lãnh đạo quản lý, 40 chuyên ngành, 16 chuyên môn dùng chung, 03 hỗ trợ phục vụ)
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định		12	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định		34	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra		0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)			
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt			
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên			
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)			
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt			
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)		0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		7	
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.		0	
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.		1	
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.		6	



BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (6 tháng)
(Kèm theo Báo cáo số *AS/LBC-UBND* ngày *17* tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố)

Cải cách tại thành phố

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công		36,37	
1.1	Kế hoạch được giao		313,642	
1.2	Đã thực hiện		114,059	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương		43	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		1	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên		3	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		5	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên		1	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên		1	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên		3	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		34	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		0	



BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỔ LIÊN LẠC CÁCH HÀNH CHÍNH (6 tháng)
(Kèm theo Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố)

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chi tiêu thông kê (Sử dụng trống kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất			thuộc thẩm quyền cấp tỉnh
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.		1	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia			
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).			
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh			
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh		100	
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.		100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh			
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện		100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã		100	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống			
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống			

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống			
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn tỉnh đủ điều kiện		100	
6.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn tỉnh		295	
6.1.2	Số lượng DVCTT toàn tỉnh		295	
6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn tỉnh + một phần)		74,73	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)		70	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến		70	
6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn tỉnh		100	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn tỉnh (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)		6.396	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn tỉnh		6.396	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần		25,47	
6.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)		4.390	
6.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần		1.118	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến		100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)		103	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh			